

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH: NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CAREER GUIDANCE AND STUDENT STREAMING: A STUDY OF THE CURRENT SITUATION IN LOWER
SECONDARY SCHOOLS IN HANOI CITY

Nguyễn Đức Sơn,
Lê Minh Nguyệt⁺,
Đàm Thị Vân Anh

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
⁺Tác giả liên hệ • Email: leminhnguyet@hnue.edu.vn

Article history

Received: 15/6/2026

Accepted: 15/7/2026

Published: 20/8/2026

Keywords

Career guidance and student streaming, content of career guidance and student streaming in lower secondary schools, organizational forms of career guidance and student streaming, lower secondary schools

ABSTRACT

This study aims to assess the current state of career guidance and student streaming activities in lower secondary schools. It employs sociological statistical methods and questionnaire surveys. The survey respondents were 540 administrators and teachers from 38 lower secondary schools located in various wards and communes of Hanoi City, selected via convenience sampling. The survey results indicate that 100% of the lower secondary schools in Hanoi have developed career education programs and have teachers concurrently responsible for career counseling and student streaming. The majority of teachers have selected career guidance content appropriate to the specific characteristics of the lower secondary level. Activities such as field trips and experiential visits to production and business facilities, along with career counseling sessions conducted by experts, were found to be more effective than integrated approaches within subjects, flag-raising ceremonies, or homeroom activities. However, organizing activities, as well as mobilizing and coordinating educational forces in career guidance work, pose greater difficulties and limitations compared to the cognitive awareness and professional competencies of the teaching staff. Based on the aforementioned findings, several directions for solutions are suggested to enhance the effectiveness of career guidance and student streaming in lower secondary schools in Hanoi City in the current context.

1. Mở đầu

Hướng nghiệp và phân luồng HS phổ thông là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được thể hiện qua các nghị quyết của Đảng (Ban Chấp hành Trung ương, 2013); được thể chế qua Luật Giáo dục (Quốc hội, 2019, 2025) và được xác định là cấu phần hữu cơ trong nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới (Bộ GD-ĐT, 2018). Hơn nữa, công tác này còn được đẩy mạnh bằng đề án “*giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và định hướng phân luồng HS trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025*” của Chính phủ (gọi tắt là Đề án 522), với mục tiêu và các giải pháp cụ thể (Thủ tướng Chính phủ, 2018). Ngay sau đó, Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội cũng đã ban hành kế hoạch triển khai đề án trên của chính phủ. Các mục tiêu và giải pháp và kế hoạch được triển khai tới mọi tổ chức và cá nhân có liên quan trong toàn thành phố (Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội, 2018). Vấn đề đặt ra là các trường THCS tổ chức các hoạt động này như thế nào?

Đã có nhiều nghiên cứu về hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS trong nhà trường phổ thông: Nghiên cứu vấn đề hướng nghiệp và phân luồng HS với chương trình giáo dục phổ thông mới (Đỗ Thị Bích Loan và Lương Việt Thái, 2018); Nghiên cứu triển khai các giải pháp hướng nghiệp và phân luồng HS từ GV và nhà trường (Hồ Văn Thông, 2014); Quy trình định hướng nghề nghiệp cho HS THCS đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Lê Thị Quỳnh Nga và cộng sự, 2026); Nghiên cứu giải pháp đổi mới nội dung, hình thức GDHN cho HS trung học theo định hướng phân luồng học tập và chọn nghề (Nguyễn Ngọc Tài và cộng sự, 2015); Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển định hướng giá trị nghề nghiệp (Ngô Thanh Thủy, 2023); Nghiên cứu các giải pháp phân luồng HS trong bối cảnh công nghiệp 4.0 (Nguyễn Văn Tráng, 2022). Bên cạnh đó cũng có các nghiên cứu về nhu cầu được hướng nghiệp của HS (Nguyễn Thị Ngọc Bé và Trần Thị Tú Anh, 2010), hay xu hướng

chọn nghề của HS THCS (Huỳnh Văn Sơn (2011). Tuy nhiên, qua tổng quan tài liệu, các nghiên cứu chủ yếu đề cập tới các giải pháp, biện pháp về hình thức tổ chức hướng nghiệp và phân luồng HS, nhóm tác giả chưa tìm thấy nghiên cứu công bố đánh giá hoạt động gắn với việc triển khai Đề án 522 của Chính phủ trên phạm vi TP. Hà Nội. Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu khảo sát thực trạng hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS của các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội, dựa theo các chỉ tiêu về xây dựng chương trình hướng nghiệp và phát triển đội ngũ GV kiêm nhiệm được xác định trong Đề án 522; xác định mức độ ưu tiên các nội dung tư vấn hướng nghiệp được ưu tiên trong hướng nghiệp HS, các hình thức tổ chức hướng nghiệp và các khó khăn của GV trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS, từ đó định hướng đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời gian tới của các trường THCS.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này theo hướng định lượng, thiết kế khảo sát cắt ngang, kết hợp phân tích tài liệu thứ cấp từ báo cáo của Sở GD-ĐT TP. Hà Nội. Phương pháp bảng hỏi dành cho GV và CBQL nhà trường được thiết kế gồm 25 Items chia thành 4 chủ đề: Nội dung được ưu tiên trong hướng nghiệp HS (6 items); Các hình thức tổ chức hướng nghiệp và phân luồng HS trong nhà trường (9 items); Đánh giá hiệu quả hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS (3 items); Khó khăn trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS THCS hiện nay (7 items). Các items được thiết kế theo thang Likert 3 mức từ thấp đến cao và được quy thành điểm số: Điểm 1 ứng với mức thấp, điểm 2 trung bình và điểm 3 ứng với mức cao, tùy theo nội dung của mỗi chủ đề. Kết quả được phân thành 3 mức: Mức thấp 1,00-1,66 điểm; Mức trung bình: 1,67-2,33 điểm và mức cao; 2,34-3,00 điểm. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các tiểu cấu trúc có giá trị như sau: Tiểu cấu trúc (1): 0,908; (2): 0,892; (3): 0,937; Toàn thang đo: 0,918. Như vậy, các items và cả thang đo được chấp nhận về độ tin cậy khoa học. Các số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 và được kiểm định sự khác biệt bằng Independent Samples t-test và ANOVA.

Địa bàn và khách thể nghiên cứu: Địa bàn khảo sát là 38 trường THCS thuộc các phường/ xã trên địa bàn TP. Hà Nội, gồm 21 trường thuộc các phường nội thành và 17 trường thuộc các xã (nông thôn); Mẫu khách thể là 540 GV, CBQL của các trường được khảo sát: 114 CBQL (3 người/ trường; Đại diện Ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, Tổng phụ trách Đoàn/Đội); khách thể GV và CBQL được chọn theo phương pháp thuận tiện. Các phiếu khảo sát được tiến hành theo phương pháp trực tiếp và yêu cầu khách thể ghi đầy đủ các thông tin trong phiếu. Thời gian khảo sát từ 15/02/2026 đến 31/3/2026.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng xây dựng chương trình và đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm trong các trường Trung học cơ sở

Yêu cầu của GDHN và phân luồng HS trong nhà trường là phải có chương trình và có GV kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Đây cũng chính là mục tiêu của Đề án 522 (Thủ tướng Chính phủ, 2018) và kế hoạch triển khai đề án của TP. Hà Nội (Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội, 2018). Bảng 1 thống kê chương trình và GV kiêm nhiệm của các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội.

Bảng 1. Thực trạng về chương trình và đội ngũ GV kiêm nhiệm trong các trường THCS của TP. Hà Nội

Năm học	Mục tiêu theo Đề án 522				Kết quả thực hiện			
	Số trường có chương trình GDHN		Số trường có GV kiêm nhiệm GDHN		Số trường có chương trình GDHN		Số trường có GV kiêm nhiệm GDHN	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
2018-19	624	70	624	70	624	100	624	100
2019-20	628		628		628		628	
2020-21	642	100	642	100	642	100	642	100
2021-22	648		648		648		648	
2022-23	652		652		652		652	
2023-24	658		658		658		658	
2024-25	662		662		662		662	

Nguồn: Báo cáo Tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án “GDHN và định hướng phân luồng HS phổ thông giai đoạn 2018-2025” của Sở GD-ĐT TP. Hà Nội

Số liệu bảng 1 cho thấy cả hai tiêu chí: xây dựng chương trình GDHN và phát triển đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp, các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội đều đạt và vượt mục tiêu được xác định trong Đề án

522. Các trường đều căn cứ vào thực tiễn của nhà trường kết hợp với yêu cầu của nội dung hoạt động hướng nghiệp để xây dựng chương trình hướng nghiệp cho HS theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT, cũng như của Sở GD-ĐT TP. Hà Nội. Các GV kiêm nhiệm thường là GV chủ nhiệm, GV giáo dục công dân. Một số trường có cán bộ tư vấn tâm lý học đường thường kiêm nhiệm luôn GV hướng nghiệp.

3.2. Mức độ ưu tiên về nội dung hướng nghiệp và phân luồng học sinh của giáo viên Trung học cơ sở

Trong công tác tư vấn, hướng nghiệp và phân luồng HS, mỗi GV THCS thường có sự ưu tiên khác nhau về nội dung tư vấn. Bảng 2 thống kê các ưu tiên của GV trong quá trình tư vấn, hướng nghiệp HS:

Bảng 2. Mức độ ưu tiên về nội dung tư vấn HS trong hướng nghiệp và phân luồng HS
(thứ tự ưu tiên: cần tập trung nhất xếp thứ 1, và giảm dần đến 6)

Các nội dung tư vấn	Mức độ ưu tiên của các nhóm khách thể được khảo sát													
	Theo chức danh							Theo địa bàn					Chung (n = 540)	
	CBQL (n = 114)		GV bộ môn (n = 237)		GV kĩ năng (n = 189)		p	Thành phố (n = 294)		Nông thôn (n = 246)		p		
	ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐL		ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐL		ĐTB	ĐL
1	1.73	1.26	1.95	1.52	1.64	1.03	0.30	1.90	1.50	1.94	1.32	0.24	1.91	1.46
2	2.67	1.47	2.60	1.33	2.86	1.48	0.62	2.61	1.34	2.71	1.39	0.56	2.63	1.35
3	3.93	1.20	4.01	1.40	4.07	1.21	0.93	3.93	1.27	4.32	1.68	<0.001	4.01	1.36
4	4.73	1.05	4.42	1.25	4.21	1.13	0.26	4.37	1.26	4.69	1.04	0.06	4.43	1.22
5	4.67	1.24	4.38	1.32	4.75	1.29	0.22	4.45	1.34	4.37	1.21	0.09	4.44	1.31
6	3.20	1.77	3.67	1.76	4.00	1.89	0.22	3.81	1.78	3.00	1.59	0.002	3.66	1.77

Ghi chú:

1. Tư vấn, thuyết phục, động viên một bộ phận HS không học tiếp THPT mà chuyển sang học nghề hoặc học nghề kết hợp với học văn hoá, để góp phần giảm tải HS vào các trường THPT công lập.

2. Tư vấn, thuyết phục, động viên một bộ phận HS không học tiếp THPT mà chuyển sang học nghề hoặc học nghề kết hợp với học văn hoá, để góp phần phát triển nguồn nhân lao động kĩ thuật.

3. Tư vấn, tham vấn cho HS đánh giá đúng năng lực và điều kiện của mình và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực lao động của các ngành nghề để lựa chọn học tiếp THPT hay học nghề.

4. Tư vấn, tham vấn cho HS đánh giá đúng năng lực và điều kiện của mình và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực lao động của các ngành nghề để lựa chọn học tiếp THPT hay học nghề, hoặc học nghề kết hợp với học bổ túc văn hoá phổ thông.

5. Tư vấn, tham vấn cho HS đánh giá đúng năng lực và điều kiện của mình và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực lao động của các ngành nghề, để lựa chọn học tiếp THPT hay học nghề kết hợp với học bổ túc văn hoá; đồng thời tư vấn, tham vấn cho HS chuẩn bị tâm thế cho định hướng lĩnh vực học tập có tính nghề nghiệp khi học THPT hay học nghề.

6. Tư vấn, tham vấn cho HS đánh giá đúng năng lực và điều kiện của mình và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực lao động của các ngành nghề, để lựa chọn học tiếp THPT hay học nghề, hoặc học nghề kết hợp với học bổ túc văn hoá phổ thông, hoặc thôi học về địa phương sản xuất, khi có điều kiện sẽ đi học tiếp.

Số liệu trong bảng 2 cho thấy, GV tập trung vào 3 nhóm nội dung 3, 4, 5 là các nội dung cốt lõi, thể hiện những yêu tố cơ bản của tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho HS. Trong đó, nội dung 5 phản ánh khá đầy đủ yêu cầu của hướng nghiệp cho HS cuối cấp THCS. Điều này chứng tỏ nhiều GV THCS được khảo sát đã có nhận thức và lựa chọn đúng, phù hợp các nội dung cần thiết để tư vấn, định hướng, thuyết phục HS trong công tác hướng nghiệp và phân luồng. Các tư liệu trong bảng 2 cũng cho thấy, nội dung 1 và 2 là những nội dung phiên diện, cục bộ, nhưng vẫn có GV ưu tiên lựa chọn (tuy xếp thứ 6 và 5).

Có sự khác biệt giữa CBQL, GV bộ môn và GV kiêm nhiệm về lựa chọn các nội dung tư vấn hướng nghiệp cho HS. Tuy nhiên, kết quả kiểm định ANOVA không có sự khác biệt nào có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy sự khác biệt giữa CBQL, GV bộ môn và GV kiêm nhiệm trong việc ưu tiên nội dung hướng nghiệp HS là không lớn.

Có sự khác biệt về nội dung tư vấn cho một bộ phận HS không học tiếp THPT mà chuyển sang học nghề hoặc học nghề kết hợp với học văn hoá, (Kiểm định T-test, $P < 0,001$) giữa GV các trường ở địa bàn phường (nội thành) và GV ở địa bàn xã, còn các nội dung khác sự khác biệt không ý nghĩa thống kê. Nói khái quát, về cơ bản không có sự khác biệt lớn về nội dung được ưu tiên trong công tác hướng nghiệp của GV khu vực nội thành và nông thôn trên địa bàn TP. Hà Nội.

3.3. Hiệu quả của các hình thức tổ chức hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về các hình thức tổ chức hướng nghiệp và phân luồng HS sau học xong THCS

Các hình thức hướng nghiệp và phân luồng HS	Mức độ hiệu quả của các hình thức hướng nghiệp và phân luồng HS														
	Theo chức danh							Theo địa bàn						Chung (n= 540)	
	CBQL (n = 114)		GV bộ môn (n = 237)		GV kĩ năng (n = 189)		p	Thành phố (n = 294)		Nông thôn (n = 246)		p			
	ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐL		ĐTB	ĐL	ĐTB	ĐL		ĐTB	ĐL	
1	1.97	0.41	2.01	0.63	2.00	0.54	0.95	1.97	0.60	2.14	0.61	0.43	2.00	0.60	
2	2.20	0.41	2.24	0.56	2.39	0.50	0.26	2.26	0.57	2.22	0.45	0.006	2.25	0.55	
3	2.13	0.51	2.15	0.48	2.25	0.52	0.55	2.15	0.49	2.18	0.46	0.92	2.16	0.48	
4	1.97	0.41	2.01	0.53	2.04	0.58	0.87	2.01	0.56	2.00	0.35	0.16	2.01	0.53	
5	2.03	0.56	2.16	0.58	2.11	0.57	0.51	2.16	0.60	2.06	0.43	<0.001	2.14	0.57	
6	2.10	0.48	2.21	0.58	2.11	0.50	0.34	2.22	0.58	2.09	0.46	<0.001	2.19	0.56	
7	2.23	0.63	2.32	0.56	2.18	0.48	0.32	2.31	0.56	2.23	0.55	0.22	2.30	0.56	
8	2.27	0.58	2.17	0.59	2.18	0.55	0.71	2.18	0.60	2.18	0.53	0.18	2.18	0.59	
9	2.07	0.64	2.16	0.65	2.00	0.61	0.37	2.12	0.66	2.20	0.59	0.61	2.14	0.64	
Chung	2.11	0.31	2.16	0.36	2.14	0.34	0.74	2.15	0.38	2.14	0.24	0.17	2.15	0.36	

Ghi chú: 1. Lồng ghép vào bài giảng các môn khoa học của GV; 2. Tổ chức tham quan, trải nghiệm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh; 3. Tổ chức nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia; 4. Tổ chức sinh hoạt dưới cờ chủ đề về hướng nghiệp, phân luồng HS; 5. Lồng ghép vào các buổi sinh hoạt lớp chủ đề về hướng nghiệp và phân luồng HS; 6. Tổ chức các buổi tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp và phân luồng HS; 7. Tổ chức tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp và phân luồng HS; 8. Tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ, diễn đàn của HS về hướng nghiệp và phân luồng HS; 9. Tổ chức các phong trào tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp và phân luồng HS

Đa số CBQL đánh giá khá cao hiệu quả các hình thức tổ chức hướng nghiệp của nhà trường. Trong đó, tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ, diễn đàn của HS về hướng nghiệp và phân luồng HS có hiệu quả cao nhất với ĐTB = 2.41. Tiếp theo là hình thức tổ chức tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp và phân HS với ĐTB = 2.25; tổ chức tham quan, trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng được đánh giá khá hiệu quả với ĐTB = 2.21. Trong khi đó, hình thức lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào bài giảng các môn học có mức đánh giá thấp hơn với ĐTB = 1.92, cho thấy hình thức này tuy phổ biến nhưng hiệu quả chưa thực sự nổi bật.

Đối với GV bộ môn, các hình thức tổ chức tham quan, trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được đánh giá có hiệu quả cao nhất với ĐTB = 2.24. Tiếp đến là hình thức tổ chức nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia với ĐTB = 2.14. Các hình thức khác như tổ chức sinh hoạt chủ đề hướng nghiệp, lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào bài giảng, hoặc tổ chức các hoạt động sinh hoạt lớp về hướng nghiệp đều có điểm trung bình dao động từ 2.01 đến 2.02, phản ánh mức độ hiệu quả ở mức trung bình.

Nhóm GV chuyên trách đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức hướng nghiệp thấp hơn so với hai nhóm còn lại (2.01 so với 2.13 và 2.16); Tuy nhiên việc tổ chức tham quan, trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và tổ chức nói chuyện, tư vấn hướng nghiệp của các chuyên gia được đánh giá có hiệu quả cao nhất với ĐTB = 2.43. Ngoài ra, hình thức tổ chức tư vấn cá nhân của chuyên gia về hướng nghiệp và phân luồng HS cũng được đánh giá khá cao với ĐTB = 2.19. Ngược lại, hình thức tổ chức các phong trào tìm hiểu, sáng tác về chủ đề hướng nghiệp và phân luồng HS có mức đánh giá thấp nhất với ĐTB = 1.86, cho thấy hiệu quả của hình thức này chưa thực sự rõ rệt trong thực tiễn.

Các giá trị kiểm định ANOVA cho thấy không có sự khác biệt điểm trung bình giữa CBQL, GV bộ môn và GV kiêm nhiệm. Về cơ bản, cả ba nhóm đều đánh giá cao hiệu quả của hoạt động tham quan, trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; Tổ chức tư vấn hướng nghiệp của chuyên gia; các hình thức mang tính trải nghiệm thực tế và tương tác trực tiếp thường được đánh giá hiệu quả hơn so với các hình thức mang tính tuyên truyền hoặc lồng ghép và hoạt động dưới cờ hay sinh hoạt lớp. Có sự khác biệt giữa CBQL và GV các trường nội thành với CBQL và GV các trường ở nông thôn về các hình thức lồng ghép các chủ đề hướng nghiệp vào các buổi sinh hoạt lớp và tổ chức các buổi tư vấn theo nhóm, lớp về hướng nghiệp và phân luồng HS (Kiểm định T-test, $P < 0,001$). Tuy nhiên, xét cả 9 hình thức tổ chức, giá trị kiểm định cho thấy không có sự khác biệt rõ ràng giữa các trường ở nội thành với các trường ở nông thôn về đánh giá hiệu quả các hình thức hướng nghiệp đang được thực hiện trong nhà trường.

Nhìn chung theo đánh giá của CBQL, GV các trường được khảo sát, các hình thức hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS các trường THCS ở mức đạt yêu cầu (điểm trung bình 2.15/3 điểm). Điều này cũng được thể hiện rõ qua các tư liệu ở bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về hiệu quả công tác hướng nghiệp và phân luồng HS THCS hiện nay

Tham số	Chung (n= 540)		Đánh giá của các nhóm khách thể									
			CBQL (n = 114)		GV bộ môn (n = 237)		GV kĩ năng (n = 189)		Thành phố (n = 294)		Nông thôn (n = 246)	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Vượt yêu cầu	17	3.1	5	4.4	4	1.7	8	4,2	11	3.7	6	2.4
Đạt yêu cầu	414	76.7	90	78.9	172	72.6	152	80,4	226	76.9	188	76.4
Chưa đạt	109	20.2	19	16.7	61	25.7	29	15.3	57	19.4	52	21.1

Đa số CBQL và GV đánh giá công tác hướng nghiệp và phân luồng HS đạt yêu cầu (76.7%); số cho rằng chưa đạt chiếm tỉ lệ 20.2%, số đánh giá vượt yêu cầu rất ít: 3.1%. Có sự tương đồng trong đánh giá của CBQL với GV bộ môn và GV kiêm nhiệm về hiệu quả hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS. Theo đó, 78.9% CBQL, 72.2% GV bộ môn và 76.9% GV kiêm nhiệm cho rằng hoạt động hướng nghiệp trong trường THCS hiện nay đạt yêu cầu. Số CBQL và GV bộ môn, GV kiêm nhiệm đánh giá mức vượt yêu cầu rất ít (4.4%, 4.2% và 3.7%). Không có sự khác biệt rõ ràng về đánh giá của cán bộ, GV các trường ở phường và xã về các mức độ hiệu quả của công tác hướng nghiệp và phân luồng HS THCS hiện nay. Nhìn chung, qua đánh giá của CBQL và GV chuyên môn cũng như GV kiêm nhiệm, công tác hướng nghiệp và phân luồng HS hiện nay ở các trường THCS chủ yếu ở mức đạt yêu cầu. Điều này cho thấy công tác hướng nghiệp và phân luồng HS trong các trường THCS nhìn chung đã được triển khai và đạt được những kết quả nhất định.

3.4. Khó khăn trong công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học cơ sở hiện nay

Việc xác định các mức độ khó khăn trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS có giá trị kép. Một mặt tìm ra các vướng ngại khách quan, mặt khác qua đó phát hiện các hạn chế chủ quan của GV và nhà trường. Kết quả khảo sát các khó khăn của nhà trường trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS được tập hợp trong bảng 5.

Bảng 5. Khó khăn trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS THCS hiện nay

Các tham số	Đánh giá của các nhóm khách thể được khảo sát về mức độ khó khăn											
	Theo chức danh						Theo địa bàn				Chung (n= 540)	
	CBQL (n= 114)		GV bộ môn (n= 237)		GV kĩ năng (n= 189)		Thành phố (n= 294)		Nông thôn (n= 246)			
	ĐTB	TB	ĐTB	TB	ĐTB	TB	ĐTB	TB	ĐTB	TB		
1	2.29	3	2.17	3	2.23	4	2.19	3	2.18	4	2.19	3
2	2.13	4	2.17	3	2.22	6	2.18	4	2.20	3	2.18	4
3	2.33	1	2.22	2	2.23	4	2.27	2	2.24	2	2.23	2
4	2.13	4	2.13	4	2.24	3	2.14	6	2.11	7	2.15	5
5	2.34	1	2.25	1	2.25	2	2.28	1	2.29	1	2.26	1
6	2.08	6	2.13	5	2.33	1	2.15	5	2.17	5	2.13	6
7	2.04	7	2.00	7	2.09	7	1.99	7	2.12	6	2.01	7
Chung	2,19		2,15		2,23		2,17		2,18		2,17	

(Ghi chú: 1. Sự tham gia và phối hợp giữa nhà trường - gia đình - Doanh nghiệp và các lực lượng xã hội khác trong hướng nghiệp và phân luồng HS; 2. Phân định trách nhiệm và tổ chức, phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường đối với công tác hướng nghiệp và phân luồng HS; 3. Tài chính, cơ sở vật chất phục vụ hướng nghiệp và phân luồng HS; 4. Khó khăn từ các chính sách quản lí/chỉ đạo của Chính quyền và của Ngành đối với công tác hướng nghiệp và phân luồng HS của trường; 5. Chương trình, giáo trình, tài liệu về hướng nghiệp và phân luồng HS trong nhà trường; 6. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV về hướng nghiệp và phân luồng HS; 7. Năng lực quản lí, chỉ đạo của CBQL nhà trường về hướng nghiệp và phân luồng HS)

Có 7 yếu tố phổ biến liên quan tới công tác hướng nghiệp và phân luồng HS được khảo sát, kết quả cho thấy cả 7 yếu tố đều có điểm trung bình từ 2.01 đến 2.26, trong khoảng mức độ khó khăn trung bình cao. Trong đó có yếu tố khó khăn cao: Chương trình, giáo trình, tài liệu về hướng nghiệp và phân luồng HS trong nhà trường (ĐTB: 2.23); Tài chính, cơ sở vật chất phục vụ hướng nghiệp và phân luồng HS (ĐTB: 2.23). Tiếp đến là sự tham gia và phối hợp

giữa nhà trường - gia đình - doanh nghiệp và các lực lượng xã hội khác trong hướng nghiệp và phân luồng HS cũng là một (ĐTB: 2.19). Yếu tố phân định trách nhiệm và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường đối với công tác hướng nghiệp và phân luồng HS (ĐTB: 2.13) và các chính sách quản lý/chỉ đạo của Chính quyền và của Ngành đối với công tác hướng nghiệp và phân luồng HS của trường (2.13) cũng là một khó khăn đối với CBQL và GV. Các yếu tố thuộc về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBQL nhà trường và GV là những yếu tố khó khăn, nhưng không cao như các yếu tố khác. Điều này cũng được thể hiện qua kết quả khảo sát ở bảng 2 và bảng 3 về sự lựa chọn nội dung và triển khai có hiệu quả các hình thức tư vấn hướng nghiệp cho HS của GV.

Xét tổng thể, không có sự khác biệt lớn về điểm trung bình chung đánh giá của CBQL, GV bộ môn và GV kiêm nhiệm, cũng như của các trường nội thành và nông thôn. Điều này cho thấy mức độ khó khăn của các yếu tố được khảo sát trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS là phổ biến đối với GV THCS trên địa bàn Hà Nội.

3.5. Đề xuất định hướng giải pháp nâng cao hoạt động hướng nghiệp và phân luồng học sinh của các trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội

Từ các kết quả khảo sát thực trạng hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS của các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội, có thể nhấn mạnh đến các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả GDHN và phân luồng ở trường THCS: *Thứ nhất*, Nâng cao nhận thức đúng, cụ thể về hướng nghiệp và phân luồng HS ở cấp THCS cho CBQL, GV và cho các lực lượng giáo dục khác. Ở mức độ khái quát nhất “Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài cơ sở giáo dục để giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội” (Quốc hội, 2019), còn “Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để HS sau khi hoàn thành chương trình giáo dục THCS, THPT, trung học nghề và tương đương tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, sở trường, năng khiếu, điều kiện của cá nhân và nhu cầu của xã hội” (Quốc hội, 2025). Tuy nhiên, chuyển vào trong hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS các cấp học cần phải được hiểu và vận dụng cụ thể phù hợp với đối tượng. Đối với HS THCS, bên cạnh việc giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, nhà trường còn cần hỗ trợ HS chuẩn bị tâm thế, kiến thức, để chủ động với việc lựa chọn luồng học tập có tính chất hướng nghiệp ở cấp THPT hoặc học nghề sau tốt nghiệp THCS. *Thứ hai*, Nâng cao chất lượng việc thiết kế chương trình hướng nghiệp cho HS. Đây là yếu tố nền tảng và cốt lõi của GDHN trong nhà trường phổ thông, trong khi đó, đây là lĩnh vực còn nhiều hạn chế và khó khăn đối với CBQL và GV. *Thứ ba*, Đổi mới việc lồng ghép GDHN trong việc dạy các môn học; Tăng cường các hoạt động trải nghiệm có tính nghề nghiệp và các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho HS - là những hoạt động nền tảng, cốt lõi của công tác hướng nghiệp trong nhà trường. *Thứ tư*, Tăng cường sự tham gia và phối hợp các lực lượng giáo dục xã hội vào công tác hướng nghiệp cho HS, nhất là các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp. Đây là lĩnh vực hiện còn hạn chế và khó khăn của nhà trường phổ thông. Hiệu quả của công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS phụ thuộc nhiều vào sự tham gia chủ động, tích cực của các chủ thể này.

4. Kết luận và bình luận

Nghiên cứu đã khảo sát thực trạng hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội. Nội dung khảo sát tập trung vào bốn chủ đề: Xây dựng chương trình và phát triển đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hướng nghiệp trong nhà trường; Nội dung được ưu tiên trong hướng nghiệp HS; Hiệu quả của các hình thức tổ chức hướng nghiệp và phân luồng HS trong nhà trường; Khó khăn trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS THCS hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy, các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội đều có chương trình hướng nghiệp và GV kiêm nhiệm trong công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng HS. CBQL và GV đã lựa chọn nội dung tư vấn hướng nghiệp phù hợp với yêu cầu của hướng nghiệp ở cấp THCS. Việc tổ chức cho HS tham quan, trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tư vấn hướng nghiệp của chuyên gia là những hoạt động được thực hiện có hiệu quả trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS. Bên cạnh đó, các trường gặp nhiều khó khăn trong việc thiết kế chương trình hướng nghiệp; trong việc huy động và phối hợp các lực lượng giáo dục tham gia vào công tác hướng nghiệp và phân luồng học HS; trong việc phân định, trách nhiệm và tổ chức, phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường đối với công tác hướng nghiệp. Yếu tố nhận thức và năng lực chuyên môn của CBQL và đội ngũ GV được xác định ít khó khăn hơn. Xuyên suốt các kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS các trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội mới ở mức đạt yêu cầu. Việc thiết kế các chương trình GDHN; các hình thức hoạt động mang tính phong trào, tuyên truyền hoặc lồng ghép vào các môn học và hoạt động dưới cờ hay sinh hoạt lớp, đặc biệt là công tác phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường là những

lĩnh vực còn hạn chế trong công tác hướng nghiệp và phân luồng HS ở các trường THCS được khảo sát. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn để từ đó mở ra các định hướng về giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS THCS của TP. Hà Nội trong bối cảnh hiện nay.

Với số lượng 38 trường THCS của TP. Hà Nội, được chọn làm địa bàn nghiên cứu, mẫu khách thể 540 CBQL, GV được chọn theo phương pháp thuận tiện, nên khả năng khái quát của kết quả chưa cao. Hơn nữa, nội dung khảo sát mới chỉ tập trung vào đối tượng khách thể là CBQL, GV, chưa có kết quả khảo sát từ phía HS, cha mẹ HS, các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp... Vì vậy, để có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động hướng nghiệp và phân luồng HS trong nhà trường THCS trên địa bàn Hà Nội nói riêng, trong cả nước nói chung, cần tích hợp các kết quả nghiên cứu này với các nghiên cứu cùng mẫu khách thể trên các địa bàn khác và các nghiên cứu cùng chủ đề, cùng nội dung với các đối tượng khác như HS, phụ huynh, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: Nguyễn Đức Sơn: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu; Thiết kế phương pháp nghiên cứu; Giám sát, chỉ đạo quá trình nghiên cứu; Chính sửa và phản biện bản thảo. Lê Minh Nguyệt, Đàm Thị Vân Anh: Thực hiện nghiên cứu và thu thập dữ liệu. Lê Minh Nguyệt: Phân tích dữ liệu; Viết bản thảo ban đầu.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo, các tác giả không sử dụng công cụ AI nào.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài KH&CN cấp Thành phố “Nâng cao hiệu quả hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội”, mã số: CT09 - 01-2024-3, do PGS.TS Nguyễn Đức Sơn làm Chủ nhiệm, PGS.TS Lê Minh Nguyệt và TS. Đàm Thị Vân Anh là thành viên nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Đỗ Thị Bích Loan, Lương Việt Thái (2018). Chương trình giáo dục phổ thông mới và vấn đề phân luồng học sinh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 04, 1-5.
- Hồ Văn Thông (2014). Hướng nghiệp và phân luồng học sau trung học cơ sở ở tỉnh Bình Dương: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 59, 195-200.
- Huỳnh Văn Sơn (2011). Xu hướng chọn nghề nghiệp của học sinh cuối cấp Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông tỉnh Bình Dương hiện nay. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 31, 125-131.
- Lê Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thị Hương, Chu Cẩm Thơ (2026). Quy trình định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Giáo dục*, 26(3), 1-6. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/4832>
- Ngô Thanh Thủy (2023). Tổng quan nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 23(1), 35-39. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/556>
- Nguyễn Ngọc Tài, Đào Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Tài (2015). Giải pháp đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học theo định hướng phân luồng học tập và chọn nghề. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 11(77), 13-20.
- Nguyễn Thị Ngọc Bé, Trần Thị Tú Anh (2010). Nhu cầu tham vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông thành phố Huế. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*, 02(14), 94-103.
- Nguyễn Văn Tráng (2022). Một số giải pháp phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông gắn với giai đoạn phát triển cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(09), 68-72.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*. Luật số 123/2025/QH15, ban hành ngày 10/12/2025.
- Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”*.
- Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội (2018). *Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 04/12/2018 về triển khai đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” của Thủ tướng Chính phủ*.